

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/11/2024  
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình - Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Thơ;
- Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 588/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ 13, Ấp B, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 10/A5, KDC MT, xã BH, Thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ 13, Ấp B, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Nguyễn Thị Diễm T, anh Nguyễn Văn L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:**

Vợ chồng chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn L kết hôn vào ngày 02/12/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, thành phố Cao Lãnh,

tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian xa nhau, vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Nay chị Nguyễn Thị Diễm T nhận thấy đã không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

**Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 20/12/2005, hiện nay con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn L, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án có địa chỉ tại Tổ 13, Ấp B, xã MT, thành phố C. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[1.3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Nguyễn Thị Diễm T, anh Nguyễn Văn L nhưng chị Nguyễn Thị Diễm T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 179, ngày 02/12/2011 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình chị T và anh L chung sống việc phát sinh mâu thuẫn là có thật. Chị T xác định đã không còn tình cảm với anh L. Vợ chồng chị T và anh L không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, thời gian xa nhau vợ chồng có tìm cách hàn gắn lại tình cảm nhưng không thành. Về phía anh L, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng đến nay anh L vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến hay có văn bản thể hiện phản đối yêu cầu ly hôn của chị T và anh L cũng không có hành động nào thể hiện ý muốn hàn gắn tình cảm với chị T. Do mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm T, chị Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Nguyễn Thị Diễm T và Giấy khai sinh số 100 ngày 03/8/2010 của Ủy ban nhân dân xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, Hội đồng xét xử nhận định chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 20/12/2005. Hiện nay con chung đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Diễm T. Chị Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

**2. Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn L có một con chung tên Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 20/12/2005, hiện nay con chung

đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012866 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, chị T đã nộp xong.

Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Diễm T, anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKS TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Thị Cẩm Hùng**